

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/12/2018 đến 15/12/2018.

**Đơn vị:** Lào Cai

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 15/12/2018).

### I – BÁO CÁO KẾT QUẢ SÀNG LỌC TỔNG QUÁT

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Thông tin mẫu lần 1		
	Tổng mẫu mới	59	100%
	Nguy cơ thấp	58	98.31%
	Nghi ngờ	1	1.69%
2	Tỷ lệ thu lại mẫu lần 2		
	Mẫu cần thu lại lần 2 (Kết quả NCC lần 1)	1	1.69%
	Mẫu đã thu lại lần 2	0	0.00%
	Mẫu chưa thu lại lần 2	1	100.00%
3	Kết quả Sàng lọc sơ sinh	<div>Mẫu nguy cơ cao lần 1 (Chưa được thu lại mẫu)</div> <div>Mẫu thu lại lần 2</div>	<div>Nguy cơ cao</div> <div>Nguy cơ thấp</div>
	G6PD	1	0
	CH	0	0
	CAH	0	0
	PKU	0	0
	GAL	0	0
	HEMO	0	0

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/12/2018 đến 15/12/2018

**Đơn vị:** Lào Cai

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 15/12/2018)

### II – BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng số mẫu	59	
2	Giới tính		
	Nam	26	
	Nữ	33	
	Nam/Nữ	0.79	
3	Phương pháp sinh		
	Sinh mổ	34	57.63%
	Sinh thường	25	42.37%
	N/A	0	0.00%
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại trang 3)		
	N/A	0	0.00%
	Dưới 18 tuổi	0	0.00%
	Từ 18 đến 35 tuổi	57	96.61%
	Trên 35 tuổi	2	3.39%
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)		
	Sinh con thứ 3	30	50.85%
	Sinh con thứ 4	7	11.86%
	Sinh con thứ 5 trở lên	3	5.08%
6	Gói xét nghiệm		
	2 bệnh	0	0.00%
	3 bệnh	0	0.00%
	5 bệnh	59	100.00%
	2 bệnh + Hemo	0	0.00%
	3 bệnh + Hemo	0	0.00%
	5 bệnh + Hemo	0	0.00%
7	Chương trình sàng lọc		
	Quốc gia	0	0.00%
	Xã hội hóa	59	100.00%
	Demo	0	0.00%
8	Chất lượng mẫu		
	Mẫu đạt chất lượng	58	98.31%
	Mẫu không đạt chất lượng	1	1.69%
	Thu mẫu sớm (trước 24h tuổi)	1	1.69%

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

**Thống kê số liệu:** Từ ngày 01/12/2018 đến 15/12/2018

**Đơn vị:** Lào Cai

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 15/12/2018)

### III – BÁO CÁO CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Thông tin	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)
1	Cân nặng trẻ (g)	58	1	59	0	0	0
	< 2500	0	0	0	0	0	0
	2500 ≤ X < 3000	15	0	15	0	0	0
	3000 ≤ X < 3500	33	0	33	0	0	0
	3500 ≤ X < 4000	9	1	10	0	0	0
	4000 ≤ X < 4500	1	0	1	0	0	0
	4500 ≤ X < 5000	0	0	0	0	0	0
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0
2	Tuổi mẹ	58	1	59	0	0	0
	N/A	0	0	0	0	0	0
	13	0	0	0	0	0	0
	14	0	0	0	0	0	0
	15	0	0	0	0	0	0
	16	0	0	0	0	0	0
	17	0	0	0	0	0	0
	18 ≤ X < 20	2	0	2	0	0	0
	20 ≤ X < 25	23	1	24	0	0	0
	25 ≤ X < 30	19	0	19	0	0	0
	30 ≤ X < 35	12	0	12	0	0	0
	35 ≤ X < 40	2	0	2	0	0	0
	40 ≤ X < 45	0	0	0	0	0	0
	≥ 45	0	0	0	0	0	0
3	Dân tộc	58	1	59	0	0	0
	Kinh	42	1	43	0	0	0
	Tày	5	0	5	0	0	0
	Giáy	5	0	5	0	0	0
	H mông	2	0	2	0	0	0
	Dao	2	0	2	0	0	0
	Nùng	1	0	1	0	0	0
	Mường	1	0	1	0	0	0